TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 949/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh**

2. Ông **Bùi Quang Việt**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Cao Hoàng Thắng –** Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2018/TLST-HN ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2618/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5040/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đồng Thị Xuân T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: số 90/5A đường Q, khu phố 2, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyen John A**, sinh năm 1953

Địa chỉ: 5700 B DR H, T 77017, USA

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2018 và bản tự khai ngày 10/7/2018, nguyên đơn bà Đồng Thị Xuân T trình bày:

Bà và ông Nguyen John A tự nguyên tìm hiểu kết hôn với nhau vào tháng 10/2007; có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 20/11/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường. Ông Nguyen John A có hứa làm hồ sơ bảo lãnh cho bà đi nước ngoài sinh sống. Sau đó ông Nguyen John A quay trở về Hoa Kỳ. Vợ chồng có liên lạc với nhau qua điện thoại, email. Ông Nguyen John A cũng có 02 lần về Việt Nam thăm bà. Từ tháng 5 năm 2008 cho

đến nay bà không còn có thể liên lạc được với chồng. Đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông Nguyen John A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyen John A**.**

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyen John A cư trú ở Hoa Kỳ, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 661/UTTPDS-TA30 ngày 08/10/2018. Theo nội dung thông báo thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào ngày 08/7/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào ngày 08/8/2019.

Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ ngày 02/11/2018. Ngày 23/3/2019, Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên. Lý do địa chỉ cung cấp không đầy đủ.

Bà T có lời khai không cung cấp được địa chỉ khác hoặc người thân nào của ông Nguyen John A để liên lạc và yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài. Ngày 13/5/2019, Tòa án đã đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Ngày 08/4/2019, Tòa án có văn bản số 186/TAND-CV thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 08/7/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 08/8/2019. Văn bản gửi đi ngày 23/4/2019.

Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Nguyen John A; đến ngày mở phiên tòa ông Nguyen John A không có mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Đồng Thị Xuân T, bị đơn ông Nguyen John A vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đồng Thị Xuân T được ly hôn ông Nguyen John A. Con chung: không có. Tài sản chung không có gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Đồng Thị Xuân T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Nguyen John A cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Rash Ray Donald vắng mặt đến lần thứ 2. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Đồng Thị Xuân T và ông Nguyen John A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 3800, quyển số 15 ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của nguyên đơn thì sau khi kết hôn đôi bên sống chung hạnh phúc bình thường, sau đó vài tháng ông Nguyen John A quay trở về Hoa Kỳ, có hứa làm hồ sơ bảo lãnh cho vợ sang sống chung. Vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại, email và có 02 lần ông Nguyen John A về Việt Nam thăm vợ. Từ tháng 8 năm 2008 đến nay, bà không còn có thể liên lạc được với chồng. Do đó, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau và kể từ khi bà T nộp đơn ly hôn ông Nguyen John A không về Việt Nam, không liên lạc, không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn mạnh ai nấy sống trong thời gian dài nên hôn nhân giữa đôi bên lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về con chung: Bà T khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đồng Thị Xuân T được ly hôn ông Nguyen John A**.**

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 3800, quyển số 15 ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đồng Thị Xuân T khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đồng Thị Xuân T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0044896 ngày 20/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Đồng Thị Xuân T và bị đơn ông Nguyen John A; bà Đồng Thị Xuân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Nguyen John A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung